

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 529/2022/HNST ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Ông Phan Thành T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh T.

Tạm trú: Số 39/19 đường B, Khu phố 2, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đinh Thị Ngọc Q, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 26 Đường số 9, Phường 4, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 35/9B đường N, Khu phố 1, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phan Thành T và bà Đinh Thị Ngọc Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Thành T và bà Đinh Thị Ngọc Q thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 77 do Ủy ban nhân dân Phường 04, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/10/2020 không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Các đương sự xác nhận có 01 con chung họ tên là Phan Khả H (nữ), sinh ngày 04/05/2021.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Ông Phan Thành T đồng ý để bà Đinh Thị Ngọc Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Phan Khả H. Ông T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Cả hai tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành.

Ông Phan Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án: Ông Phan Thành T tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0014792 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND Q.7, TP HCM;
- C/c THA DS Q.7, TP HCM;
- C/q thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (TK.Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy